

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2026



**Tổng công ty cổ
phần bảo hiểm
ngân hàng đầu
tư và phát triển
Việt Nam**

Digitally signed by Tổng công ty cổ
phần bảo hiểm ngân hàng đầu tư và
phát triển Việt Nam
DN: C=VN, CN=Tổng công ty cổ phần
bảo hiểm ngân hàng đầu tư và phát
triển Việt Nam, ST=Hà Nội, UID=
MST:0100931299
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.10.27 09:36:30+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.2

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Báo cáo tình hình tài chính	3 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 19

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.929.395.571.982	7.468.249.930.500
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		113.192.251.666	56.777.004.412
1. Tiền	111		113.192.251.666	46.138.586.412
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.638.418.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.976.671.283.174	5.276.459.358.299
1. Chứng khoán kinh doanh	121		596.749.318.279	519.415.068.285
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(33.599.672.977)	(13.802.506.996)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		5.413.521.637.872	4.770.846.797.010
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		384.094.697.467	399.730.011.210
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		387.770.428.776	412.171.998.562
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		387.570.428.776	411.971.998.562
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		200.000.000	200.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.413.292.728	3.983.041.309
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135		25.177.433.238	6.031.239.709
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(35.266.457.275)	(22.456.268.370)
IV. Hàng tồn kho	140		1.074.039.927	9.079.015.203
1. Hàng tồn kho	141		1.074.039.927	9.079.015.203
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		295.173.459.557	293.801.642.243
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		289.232.632.337	293.550.453.305
1.1. Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	161.1		269.580.411.705	276.990.901.402
1.2. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	161.2		19.652.220.632	16.559.551.903
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		5.940.827.220	251.188.938
VI- Tài sản tái bảo hiểm	190		1.159.189.840.191	1.432.402.899.133
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		544.292.562.935	536.266.114.913
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		614.897.277.256	896.136.784.220
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.503.199.821.389	2.037.269.628.350
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		17.785.540.211	17.267.008.682
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	215		17.785.540.211	17.267.008.682
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	215.1		10.000.000.000	10.000.000.000
4.2. Phải thu dài hạn khác	215.2		7.785.540.211	7.267.008.682
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (trình bày lại)
II. Tài sản cố định	220		78.121.699.875	76.807.026.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221		43.978.958.775	49.094.105.651
Nguyên giá	222		142.890.794.477	138.619.783.993
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.911.835.702)	(89.525.678.342)
2. Tài sản cố định vô hình	227		26.176.235.438	25.874.178.989
Nguyên giá	228		28.108.287.255	27.748.287.255
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.932.051.817)	(1.874.108.266)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		7.966.505.662	1.838.741.996
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.353.121.486.176	1.885.867.284.643
1. Đầu tư vào công ty con	261		141.646.208.400	141.646.208.400
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		75.907.370.000	75.907.370.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(25.907.370.000)	(25.907.370.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		1.161.475.277.776	1.694.221.076.243
V. Tài sản dài hạn khác	270		54.171.095.127	57.328.308.389
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		54.171.095.127	57.328.308.389
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		9.432.595.393.371	9.505.519.558.850

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.945.024.485.150	6.272.783.106.659
I. Nợ ngắn hạn	310		5.939.738.790.171	6.268.390.533.283
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		798.526.045.675	792.115.061.270
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		793.313.123.210	766.098.753.979
1.2. Phải trả khác cho người bán	311.2		5.212.922.465	26.016.307.291
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		131.565.898.112	131.706.821.002
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		557.902.400	575.727.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314		65.820.353.205	79.047.522.340
5. Phải trả người lao động	315		225.432.083.266	213.416.490.114
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		138.807.637.018	23.757.984.483
7.1 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		140.091.834.641	127.759.324.749
7.2 Doanh thu chờ phân bổ	319.2		17.664.348.582	16.138.836.555
8. Phải trả ngắn hạn khác	320		10.565.635.707	8.110.976.337
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		106.003.378.253	418.417.741.438
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		97.358.230.075	81.019.561.664
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		232.357.052.366	208.174.260.446
12. Dự phòng nghiệp vụ	329		3.974.988.390.871	4.168.150.225.485
12.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		2.485.777.794.132	2.442.856.441.126
12.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		1.154.628.290.649	1.421.645.437.171
12.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		334.582.306.090	303.648.347.188
II. Nợ dài hạn	330		5.285.694.979	4.392.573.376
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	338		1.849.045.124	955.923.521
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		3.436.649.855	3.436.649.855

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (trình bày lại)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4	3.487.570.908.221	3.232.736.452.191
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.020.670.570.000	2.020.670.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.020.670.570.000	2.020.670.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		532.424.293.612	532.424.293.612
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		79.942.265.489	297.013.985
5. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		154.131.755.624	143.825.312.168
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		700.402.023.496	535.519.262.426
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		402.777.176.586	31.099.336.235
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		297.624.846.910	504.419.926.191
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.432.595.393.371	9.505.519.558.850



Bà Vũ Thị Quỳnh Anh
 Người lập

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 22 tháng 10 năm 2026



Bà Lại Ngân Giang
 Kế toán trưởng



Bà Đoàn Thị Thu Huyền
 Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2026

PHẦN I- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.148.239.804.821	995.906.578.854	3.325.242.907.961	3.095.597.652.728
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	-	-	-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	121.049.654.075	149.471.065.622	321.184.197.292	433.608.580.565
4. Thu nhập khác	13	212.836.034	160.196.849	582.659.100	642.422.298
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	(925.539.445.949)	(805.849.690.591)	(2.649.892.815.709)	(2.385.736.320.849)
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	-	-	-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	(14.865.558.643)	(7.102.765.610)	(35.505.135.173)	(26.419.721.054)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(206.717.029.043)	(215.801.664.692)	(571.323.050.869)	(600.129.960.833)
9. Chi phí khác	24	(77.840.050)	(273.779.864)	(1.072.371.121)	(2.024.023.659)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50	122.302.421.245	116.509.940.568	389.216.391.481	515.538.629.196
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(20.500.000.000)	(28.617.344.417)	(81.285.101.115)	(109.814.042.173)
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	101.802.421.245	87.892.596.151	307.931.290.366	405.724.587.023
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Quý III năm 2026

PHẦN II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phí bảo hiểm	01		1.403.871.372.143	1.221.998.718.865	4.050.305.147.776	3.677.043.876.117
<i>Trong đó:</i>						
Phí bảo hiểm gốc	01.1		1.400.774.655.353	1.221.967.225.904	3.950.739.371.721	3.652.312.589.736
Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		40.205.354.045	30.340.569.939	142.487.129.061	108.545.455.963
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(37.108.637.255)	(30.309.076.978)	(42.921.353.006)	(83.814.169.582)
Phí nhượng tái bảo hiểm	02		(353.893.877.839)	(296.057.631.363)	(991.147.336.284)	(793.236.134.564)
<i>Trong đó</i>						
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		(326.932.901.700)	(266.607.789.039)	(999.173.784.306)	(888.438.768.676)
Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(26.960.976.139)	(29.449.842.324)	8.026.448.022	95.202.634.112
Doanh thu phí BH thuần	03		1.049.977.494.304	925.941.087.502	3.059.157.811.492	2.883.807.741.553
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		98.262.310.517	69.965.491.352	266.085.096.469	211.789.911.175
<i>Trong đó</i>						
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		86.981.909.446	62.189.810.215	225.115.028.065	165.019.996.564
DT khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		11.280.401.071	7.775.681.137	40.970.068.404	46.769.914.611
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		1.148.239.804.821	995.906.578.854	3.325.242.907.961	3.095.597.652.728
Chi bồi thường	11		(381.856.922.064)	(319.407.000.241)	(1.253.516.660.373)	(969.817.227.631)
<i>Trong đó:</i>						
Tổng chi bồi thường	11.1		(395.665.260.716)	(324.391.988.088)	(1.270.011.918.021)	(980.191.170.197)
Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		13.808.338.652	4.984.987.847	16.495.257.648	10.373.942.566
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		68.232.878.446	117.290.794.132	340.220.574.483	303.088.211.369
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		88.564.162.836	(151.032.847.206)	267.017.146.522	(15.042.278.488)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(98.902.654.557)	63.816.806.776	(281.239.506.964)	(131.628.718.106)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	15		(323.962.535.339)	(289.332.246.539)	(927.518.446.332)	(813.400.012.856)
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		(11.133.902.814)	(9.856.998.268)	(30.933.958.902)	(28.724.190.970)
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		(590.443.007.796)	(506.660.445.784)	(1.691.440.410.475)	(1.543.612.117.023)
<i>Trong đó:</i>						

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Quý III năm 2026

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		(151.388.094.868)	(138.168.034.868)	(449.508.957.611)	(426.213.317.430)
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		(439.054.912.928)	(368.492.410.916)	(1.241.931.452.864)	(1.117.398.799.593)
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18		(925.539.445.949)	(805.849.690.591)	(2.649.892.815.709)	(2.385.736.320.849)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	19		222.700.358.872	190.056.888.263	675.350.092.252	709.861.331.879
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		-	-	-	-
Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản	22		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	23		121.049.654.075	149.471.065.622	321.184.197.292	433.608.580.565
Chi phí hoạt động tài chính	24		(14.865.558.643)	(7.102.765.610)	(35.505.135.173)	(26.419.721.054)
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	25		106.184.095.432	142.368.300.012	285.679.062.119	407.188.859.511
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		(206.717.029.043)	(215.801.664.692)	(571.323.050.869)	(600.129.960.833)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		122.167.425.261	116.623.523.583	389.706.103.502	516.920.230.557
Thu nhập khác	31		212.836.034	160.196.849	582.659.100	642.422.298
Chi phí khác	32		(77.840.050)	(273.779.864)	(1.072.371.121)	(2.024.023.659)
Lợi nhuận khác	40		134.995.984	(113.583.015)	(489.712.021)	(1.381.601.361)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		122.302.421.245	116.509.940.568	389.216.391.481	515.538.629.196
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(20.500.000.000)	(28.617.344.417)	(81.285.101.115)	(109.814.042.173)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		101.802.421.245	87.892.596.151	307.931.290.366	405.724.587.023
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-

Bà Vũ Thị Quỳnh Anh
Người lập

Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Bà Đoàn Thị Thu Huyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 10 năm 2026

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2026

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		389.216.391.481	515.538.629.196
	Điều chỉnh cho các khoản:			
2	Khấu hao tài sản cố định		9.444.100.911	7.879.062.893
3	Các khoản dự phòng		128.997.247.625	158.749.946.943
4	(Lãi)/Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		(1.709.416.160)	1.225.214.625
5	(Lãi)/Lỗ từ các hoạt động đầu tư		(312.370.232.870)	(260.855.288.796)
6	Chi phí lãi vay		10.773.994.050	11.745.808.584
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		224.352.085.037	434.283.373.445
9	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		149.387.328.850	29.212.254.741
	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		8.004.975.276	(140.597.780)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		138.454.674.953	121.368.986.383
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		7.475.034.230	(822.337.660)
	Tăng/(Giảm) chứng khoán kinh doanh		(77.334.249.994)	50.527.264.216
13	Chi phí lãi vay đã trả		(11.073.959.533)	(11.952.454.654)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(80.732.104.285)	(134.342.203.907)
15	Tiền thu khác từ các hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác từ các hoạt động kinh doanh		(28.914.042.416)	(26.390.896.320)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		329.619.742.118	461.743.388.464
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.758.774.150)	(4.339.251.812)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	58.363.636
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(4.330.291.594.000)	(3.934.317.220.000)
24	Tiền thu cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		4.272.803.117.671	3.151.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác		-	(106.986.188.400)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		106.424.969.794	193.409.140.947
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		38.177.719.315	(700.475.155.629)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		-	-
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2026

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		980.690.346.264	1.218.880.714.895
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.293.104.709.449)	(975.865.820.260)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.825.000)	-
	Hoàn trả vay dài hạn		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(312.432.188.185)	243.014.894.635
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		55.365.273.248	4.283.127.470
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		56.777.004.412	86.666.554.109
			-	-
61	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.049.974.006	1.490.319.562
			-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		113.192.251.666	92.440.001.141
			-	-



Bà Vũ Thị Quỳnh Anh
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 10 năm 2026



Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng




Bà Đoàn Thị Thu Huyền
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2026

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPĐC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV - là công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm 82.3%, các cổ đông khác chiếm 17.7% vốn điều lệ. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện phát hành cổ phần BIC theo chương trình quyền chọn mua cổ phần đối với cán bộ (ESOP) dẫn đến tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV chiếm 78.38%, các cổ đông khác chiếm 21.62% vốn điều lệ. Trong năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua việc chào bán cổ phần cho Cổ đông chiến lược (Fairfax Asia Limited) theo quyết định chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ số 11836/BTC-QLBH và giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC14/KDBH ngày 25 tháng 12 năm 2015 do Bộ Tài Chính cấp. Tại thời điểm lập báo cáo, tỷ lệ cổ phần nắm giữ bởi BIDV là 51%, cổ đông chiến lược Fairfax Asia Limited là 35%, các cổ đông khác chiếm 14% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của Tổng công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty:	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ:	Tầng 11, Tòa nhà số 263 đường Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm Ngày 30 tháng 09 năm 2026 là 2.020.670.570.000 đồng.

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 11, Tòa nhà số 263 đường Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Vào thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2026, Tổng Công ty có ba mươi tám (38) công ty thành viên trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, Tổng Công ty có 02 công ty con như sau:

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Quyết định thành lập số	Lĩnh vực hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty
1	Công ty TNHH liên doanh bảo hiểm Lào – Việt (LVI)	Tầng 3 Tháp LVB, 44 Lanxane Avenue, Thủ đô Viên Chăn, Lào	077-08/ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2008 do Bộ Kế hoạch Đầu tư của nước CHDCND Lào cấp	Bảo hiểm	65%
2	Công ty bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI)	Tầng 8, số 398, Đại lộ Monivong, Sangkat Beung Keng Kang 1, Khan Chamkar Mon, Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia	Giấy phép số 6037 E/2009 ngày 06/08/2009 của Bộ Thương mại Campuchia	Bảo hiểm	51%

Tổng Công ty tham gia vào hợp đồng liên doanh với các đối tác tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào theo Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 146/BKH/ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008 để thành lập ra Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt, trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% tổng vốn điều lệ, tương đương 1.530.000 USD. Tổng Công ty kế thừa khoản đầu tư liên doanh này từ Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngày 2 tháng 8 năm 2013 Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp nhận đề nghị tăng vốn đầu tư ra nước ngoài của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 146/ BKHĐT-ĐTRNN-ĐC, từ đó tỷ lệ sở hữu tại Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt tăng lên 65% tổng vốn điều lệ, tương đương 1.950.000 USD.

Theo quyết định số 132/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 11 tháng 12 năm 2023 cùng phụ lục hợp đồng ngày 01 tháng 04 năm 2024, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng 510 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty Bảo hiểm Cambodia - Việt Nam (“CVI”) do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cambodia (“BIDC”) nắm giữ. Giá chuyển nhượng là 8.233 USD/cổ phần, tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 4.198.830 USD, thủ tục chuyển nhượng đã hoàn thành trong tháng 07/2025.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính Quý III năm 2026 của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-CĐKT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 03 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 03 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2026 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký là Nhật ký sổ cái.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đồng tiền kế toán*

Tổng Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Tổng Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

4. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Dự trữ bất buộc VNĐ	Lợi nhuận sau thuế VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.172.768.950.000	655.565.033.362	436.567.063.385	117.276.895.000	570.393.038.977	2.952.570.980.724
Tăng vốn trong năm nay	847.901.620.000	(123.140.739.750)	(436.270.049.400)		(288.490.830.850)	-
Lợi nhuận trong kỳ					530.968.343.359	530.968.343.359
- Tặng khác						-
Trích lập quỹ dự trữ bất buộc từ lợi nhuận trong kỳ				26.548.417.168	(26.548.417.168)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong kỳ					(74.887.529.392)	(74.887.529.392)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển						-
- Cổ tức công bố					(175.915.342.500)	(175.915.342.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	2.020.670.570.000	532.424.293.612	297.013.985	143.825.312.168	535.519.262.426	3.232.736.452.191
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	2.020.670.570.000	532.424.293.612	297.013.985	143.825.312.168	535.519.262.426	3.232.736.452.191
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	307.931.290.366	307.931.290.366
- Trích lập quỹ dự trữ bất buộc từ lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	10.306.443.456	(10.306.443.456)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(53.096.834.336)	(53.096.834.336)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	79.645.251.504	-	(79.645.251.504)	-
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026	2.020.670.570.000	532.424.293.612	79.942.265.489	154.131.755.624	700.402.023.496	3.487.570.908.221

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

5. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM GÓC

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Bảo hiểm bảo lãnh	1.283.985.691	961.301.651
Bảo hiểm cháy, nổ	721.097.569.596	646.592.735.101
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	193.125.583.054	182.230.370.828
Bảo hiểm hàng không	4.919.284.996	5.495.174.314
Bảo hiểm nông nghiệp	656.403.147	851.855.662
Bảo hiểm sức khỏe	1.654.613.523.968	1.687.998.646.130
Bảo hiểm tài sản	302.174.446.429	211.121.030.016
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	180.022.873.941	135.163.402.726
Bảo hiểm thiệt hại khác	35.013.475.707	21.163.320.835
Bảo hiểm trách nhiệm	26.975.654.507	22.393.791.288
Bảo hiểm xe cơ giới	830.856.570.685	738.340.961.185
Tổng cộng	3.950.739.371.721	3.652.312.589.736

6. DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Bảo hiểm cháy, nổ	36.691.085.408	48.504.053.591
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	4.086.796.202	1.976.812.689
Bảo hiểm hàng không	956.105.095	957.955.917
Bảo hiểm nông nghiệp	14.400.000	47.853.098
Bảo hiểm sức khỏe	-	26.796.249
Bảo hiểm tài sản	74.516.132.774	44.532.760.050
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	12.807.132.257	4.894.339.969
Bảo hiểm thiệt hại khác	10.460.552.336	4.928.221.419
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Bảo hiểm trách nhiệm	2.502.710.674	2.520.319.579
Bảo hiểm xe cơ giới	452.214.315	156.343.402
Tổng cộng	142.487.129.061	108.545.455.963

7. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Bảo hiểm cháy, nổ	504.580.235.517	515.407.364.099
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	83.141.521.982	80.976.340.122
Bảo hiểm hàng không	5.837.459.372	6.363.531.591
Bảo hiểm nông nghiệp	132.438.523	367.283.756
Bảo hiểm sức khỏe	4.284.285.624	5.361.565.179
Bảo hiểm tài sản	221.957.974.072	151.450.613.469
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	125.524.856.434	92.903.642.120
Bảo hiểm thiệt hại khác	37.376.027.714	21.403.954.282
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Bảo hiểm trách nhiệm	15.497.285.301	13.349.236.300
Bảo hiểm xe cơ giới	841.699.767	855.237.758
Tổng cộng	999.173.784.306	888.438.768.676

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

8. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	410.521.318.016	320.037.572.829
Hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	(185.406.289.951)	(155.017.576.265)
Tổng cộng	225.115.028.065	165.019.996.564

9. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	1.242.318.767.562	944.650.461.861
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	27.693.150.459	35.540.708.336
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(340.220.574.483)	(303.088.211.369)
Các khoản thu giảm chi (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(16.495.257.648)	(10.373.942.566)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(267.017.146.522)	15.042.278.488
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	281.239.506.964	131.628.718.106
Tổng cộng	927.518.446.332	813.400.012.856

10. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Chi hoa hồng bảo hiểm	449.508.957.611	426.213.317.430
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	-	1.899.000
Chi hỗ trợ và quản lý đại lý bảo hiểm	311.279.786.727	312.178.743.721
Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	7.252.620.529	4.004.640.504
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	13.811.714.995	10.911.300.686
Chi khác	909.587.330.613	790.302.215.682
Tổng cộng	1.691.440.410.475	1.543.612.117.023

11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	235.247.746.662	201.779.351.745
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	57.403.419.842	45.637.088.763
Lợi nhuận được chia	3.956.099.183	4.560.560.184
Cổ tức	15.767.015.900	8.821.091.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.499.280.705	9.481.730.189
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.310.635.000	163.328.758.684
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng cộng	321.184.197.292	433.608.580.565

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

12. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Lãi tiền vay	10.773.994.050	11.745.808.584
Chi phí trái phiếu	4.048.717	1.166.469
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	149.819.999	403.991.558
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	9.074.788.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.709.362.070	14.026.077.363
Trích/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	19.797.165.981	(8.905.011.429)
Chi phí tài chính khác	70.744.356	72.900.000
Tổng cộng	35.505.135.173 ✓	26.419.721.054 ✓

13. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ.CCDC	7.220.001	38.500.973
Thu nhập khác	575.439.099	603.921.325
Tổng cộng	582.659.100 ✓	642.422.298 ✓

14. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Các khoản phạt vi phạm hành chính	974.732.926	1.925.539.235
Chi phí khác	97.638.195	98.484.424
Chi thanh lý nhượng bán TSCĐ. CCDC	-	-
Tổng cộng	1.072.371.121 ✓	2.024.023.659 ✓

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Chi phí nhân viên	322.975.827.335	367.699.660.442
Chi phí vật liệu	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.696.137.205	8.200.346.146
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.201.783.906	7.245.456.976
Thuế, phí và lệ phí	11.844.863.768	24.157.277.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.825.991.801	175.573.761.994
Trích/(hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.810.188.905	73.592.192
Chi phí bằng tiền khác	10.524.157.038	9.300.802.972
Tổng cộng	571.323.050.869 ✓	600.129.960.833 ✓

Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

16. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Sau thời điểm lập báo cáo Quý III năm 2026 không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính cũng như ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

17. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận tại đoạn 09 các bộ phận cần phải lập báo cáo được định nghĩa như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác;
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo bản chất hoạt động kinh doanh của BIC, mặc dù Tổng Công ty có các công ty thành viên trên toàn quốc nhưng các công ty thành viên này đều hoạt động kinh doanh trên một lĩnh vực là bảo hiểm phi nhân thọ, cung cấp cùng một loại hình sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ được thiết kế theo quy chuẩn chung của Tổng Công ty và chịu các rủi ro tương tự nhau. Hơn nữa, tuy các công ty thành viên này nằm trên một số địa bàn thuộc các tỉnh thành khác nhau trên toàn quốc nhưng sự phân chia địa lý mang tính tương đối để thuận tiện hơn trong quá trình chăm sóc khách hàng. Khai thác dịch vụ và phạm vi cung cấp dịch vụ của mỗi đơn vị thành viên không bị giới hạn bởi sự phân chia địa lý này. Do đó Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV không có các bộ phận cần phải lập và trình bày thông tin trong các báo cáo tài chính theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 28.

18. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Theo hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp quy định tại thông tư số 99/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Chi tiết phần trình bày lại trong Báo cáo tình hình tài chính được trình bày tại trang 3 đến trang 6.

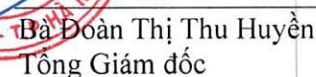


Bà Vũ Thị Quỳnh Anh
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 10 năm 2026



Bà Lại Ngân Giang
Kế toán trưởng



Bà Đoàn Thị Thu Huyền
Tổng Giám đốc

Số/No: 2328/CV-KT

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026
Hanoi, October 26, 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission
Ho Chi Minh Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với Công ty niêm yết, Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) xin gửi Quý Cơ quan Báo cáo tài chính riêng của BIC kỳ bán niên năm 2026.

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020, issued by the Ministry of Finance, providing guidance on information disclosure by companies listed on the securities market, BIDV Insurance Corporation (BIC) hereby submits the separate 2026 semi-annual financial statements.

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của BIC, lợi nhuận sau thuế Quý 3 năm 2026 đạt 101.802 triệu đồng, tăng 13.909 triệu đồng (tương đương tăng 15,8%) so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu của việc tăng lợi nhuận Quý 3 năm 2026 là do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng so với cùng kỳ năm trước.

According to BIC's Q3/2026 separate financial statements, net profit after tax for 3rd Quarter of 2026 reached VND 101,802 million, representing an increase of VND 13,909 million (equivalent to 15.8%) compared with the same period in 2025. The key factor contributing to the increase was a rise in profits from insurance operations compared with the same period last year.

Trên đây là giải trình lý do lợi nhuận riêng Quý 3 năm 2026 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm trước của Tổng công ty Bảo hiểm BIDV.

The above is BIC's explanation for the increase of more than 10% in net



profit after tax in separate financial statements for Q3/2026 compared with the same period last year.

Trân trọng/Yours sincerely./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/ As above;
- HĐQT/ BOD (để b/c/ for reporting);
- Lưu: VT, KT/ Admin, Accounting.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
On behalf of CHIEF EXECUTIVE OFFICER
DEPUTY CHIEF EXECUTIVE OFFICER**



Vu Minh Hai

